TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 434/2026/DS-ST Ngày: 28 - 7 - 2026 V/v tranh chấp hụi	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Bà Phạm Nguyễn Phương Thà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 693/2026/TB-TLVA ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưaán ra xét xử số: 486/2026/QĐXXST-DS ngày 15/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 478/2026/QĐST – DS ngày 07/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; thường trú: Thôn Ô, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ liên hệ: số I, đường D, khu đô thị S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đoàn Hồng L, sinh năm 2004; thường trú: thông Đồng Minh, xã V, tỉnh Hà Tĩnh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/3/2026), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1977; thường trú: số D khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19/3/2026, lời khai trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn bà Đoàn Hồng L trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có quen biết với bà Bùi Thị T1 do cùng làm chung tại Công ty TNHH Q tại KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời

gian làm việc tại Công ty thì bà Bùi Thị T1 đứng ra làm chủ hụi và có nhiều người làm chung trong công ty tham gia nên vào ngày 10/06/2019 đến ngày 10/3/2020 bà T đã góp hụi được cho bà T1 số tiền là 8.000.000 đồng. Do bà T1 bể hụi và nhiều lần bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà T1 phải trả lại số tiền mà bà T đã đóng nhưng bà T1 không có khả năng trả lại số tiền trên cho bà T nhưng bà T1 không trả lại tiền và nghỉ việc ở công ty. Sau đó bà T cùng một số người khác đã yêu cầu bà T1 phải ký xác nhận lại số tiền còn nợ hụi nên 7 người trong công ty đã được bà T1 ký và xác nhận số tiền đóng hụi của từng người và bà T1 đã ký xác nhận vào tờ giấy nêu trên.

Này bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Bùi Thị T1 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng tiền hụi và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Bùi Thị T1: Đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bà T1 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T1 không có ý kiến gì và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đại diện nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn bà Đoàn Hồng L có đơn đềxét xử vắng mặt, bịđơn đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 07/7/2026 và ngày 28/7/2026 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà Bùi Thị T1. Do đó, có cơ sở xác định bà T và một vài người khác đã tham gia chơi hụi do bà Bùi Thị T1 làm chủ hụi. Nội dung giấy xác nhận thể hiện bà Nguyễn Thị T tham gia hụi của bà Bùi Thị T1 từ ngày 10/8/2019 đến ngày 10/3/2020 với tổng số tiền 8.000.000 đồng. Việc bà Bùi Thị T1 ký xác nhận vào giấy này thể hiện bà T1 đã thừa nhận việc bà Nguyễn Thị T có tham gia hụi, đã chốt số tiền còn nợ và có nghĩa vụ trả lại số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng trên cho bà T.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*".

Bà Bùi Thị T1 có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T1 không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị T1 phải trả số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, 91, 147, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, 357, 471, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, Nghị định về họ, hụi, B,phường;

Căn cứ Điều 12, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thườngvụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn bà Bùi Thị T1 về việc "Tranh chấp hụi".

Buộc bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị T1 phải chịu 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thi hành án Dân sự Thành phố H trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy S tiền: 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0018484 ngày 25/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà